

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 448/BC-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Một số vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
<b>ĐẾN</b>	Giờ: ..... C
	Ngày: ... 10/10/16

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

Thực hiện yêu cầu tại Công văn số 129/TTKQH-TH ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Tổng Thư ký Quốc hội về việc chuẩn bị báo cáo tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV, Chính phủ trân trọng gửi các đại biểu Quốc hội báo cáo về một số vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, gồm các nội dung: (i) Đánh giá về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết 29); (ii) Đánh giá công tác tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2016 và dự kiến kỳ thi năm 2017; (iii) Kết quả triển khai mô hình trường học mới (VNEN); (iv) Việc đưa các môn học ngoại ngữ vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cụ thể như sau:

### **Phần I**

## **ĐÁNH GIÁ VỀ ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW**

### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết 29 đến từng cơ sở giáo dục, cán bộ và giáo viên

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức biên soạn tài liệu phục vụ việc học tập Nghị quyết 29 cho các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục; tổ chức các hội nghị triển khai, quán triệt Nghị quyết 29, Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch hành động của ngành đến từng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên trong ngành. Đến nay, về cơ bản cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục đã thấm nhuần, đồng thuận và tích cực thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần của Nghị quyết 29.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Truyền thông về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề<sup>1</sup> nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời quá trình triển khai thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo và dạy nghề cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông từ trung ương đến địa phương; tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giải thích ý nghĩa, vai trò, nội dung và kết quả triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đến đội ngũ

<sup>1</sup> Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2016.

nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề, gia đình người học và người dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện. Đề án đang được triển khai theo lộ trình.

Ngành Giáo dục đã tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình ở trung ương và địa phương tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách và các nhiệm vụ lớn của ngành nhằm cụ thể hóa Nghị quyết 29. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập đơn vị chuyên trách làm công tác truyền thông giáo dục; xây dựng mạng lưới cán bộ làm công tác truyền thông, tạo cơ chế thống nhất trong việc cung cấp thông tin, tuyên truyền về kết quả cũng như các chủ trương, chính sách của Bộ, ngành về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đến nay, 100% các sở giáo dục và đào tạo, các đại học (ĐH), học viện đều có cán bộ chuyên trách về truyền thông, có trang tuyên truyền, phản ánh kết quả triển khai Nghị quyết 29 trên Cổng thông tin điện tử, Website của đơn vị.

## 2. Ban hành Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân<sup>2</sup>.

Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân mới được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở THPT; tạo điều kiện đề quy hoạch đồng bộ lại mạng lưới các cơ sở giáo dục.

Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân mới đã khắc phục được một số bất cập như: sự phân mảnh trong quản lý; sự chồng chéo trong chức năng của các đơn vị tham gia giáo dục và đào tạo cùng một bậc học hoặc cấp độ đào tạo; sự trùng lặp trong cơ cấu hệ thống ở trình độ trung cấp và cao đẳng; thiếu cơ chế liên thông, khả năng phân luồng kém. Đồng thời, giúp giảm thời gian học ĐH để phù hợp với nhu cầu xã hội và năng lực phát triển của người học; giáo dục nghề nghiệp được tích hợp, phân luồng ngay từ trung học cơ sở và tiếp tục đẩy mạnh ở THPT; đào tạo ĐH theo hướng “nghiên cứu” và hướng “ứng dụng”.

Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân mới đảm bảo tính tương thích với các bảng phân loại giáo dục chung của quốc tế và đảm bảo tính so sánh được của các trình độ, các loại văn bằng; hình thành các con đường học tập đa dạng, tạo cơ hội cho mọi người học có khả năng và có nhu cầu được học tập suốt đời, góp phần phát triển xã hội học tập.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tích cực rà soát, quy hoạch lại các cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước nhằm tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng, nâng cao hiệu quả đầu tư, phù hợp với nhu cầu xã hội.

## 3. Ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam<sup>3</sup>

Khung trình độ quốc gia Việt Nam được ban hành nhằm chuẩn hóa hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần thúc đẩy hợp tác về giáo dục và công nhận trình độ

<sup>2</sup> Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016, thay thế Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân được quy định tại Nghị định 90/CP năm 1993, Luật Giáo dục sửa đổi 2009, Luật Giáo dục đại học 2012 và Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014.

<sup>3</sup> Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016.

người lao động trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng. Khung trình độ quốc gia của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với Khung tham chiếu trình độ khu vực ASEAN, Khung trình độ Châu Âu và tuyệt đại đa số các nước phát triển.

Khung trình độ quốc gia Việt Nam được cấu trúc thành 8 bậc phù hợp với cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và văn bản pháp luật hiện hành (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ). Trong đó, việc chia trình độ sơ cấp thành 3 bậc để thuận lợi trong việc đào tạo, bồi dưỡng nghề sơ cấp với các khóa đào tạo linh hoạt. Vì vậy, thực hiện tốt khung trình độ quốc gia sẽ góp phần giúp cho việc hoàn thiện thị trường lao động, làm căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo, công nhận và miễn trừ kinh nghiệm học tập, lao động để thúc đẩy việc học tập suốt đời của người dân.

#### 4. Đổi mới chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ động hướng dẫn triển khai thực hiện các chuyên đề đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non phù hợp với thực tế của địa phương như: giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ thông qua hoạt động vui chơi, giáo dục thẩm mỹ, kỹ năng sống; tăng cường giáo dục phát triển vận động cho trẻ; quan tâm xây dựng môi trường giáo dục, tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm.

Trong khi chờ ban hành chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, Chính phủ đã yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng giảm tải; giao quyền chủ động và hướng dẫn nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và thực hiện chương trình giáo dục một cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương và nhà trường. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường; xây dựng các chủ đề tích hợp, liên môn; áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết tình huống thực tiễn dành cho học sinh trung học; thí điểm dạy học gắn với sản xuất, kinh doanh tại địa phương nhằm chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Triển khai thí điểm chương trình tiếng Anh hệ 10 năm ở các trường phổ thông có đủ điều kiện, đảm bảo học sinh được học tiếng Anh liên thông từ tiểu học đến THPT theo định hướng chuyển từ dạy và học ngữ pháp sang dạy và học toàn diện kỹ năng giao tiếp; ban hành các chuẩn đầu ra của từng cấp học tương ứng theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Chính phủ cũng chỉ đạo thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức, lối sống<sup>4</sup>, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên theo

<sup>4</sup> Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020.

hướng tăng cường sự chủ động, tích cực tham gia của học sinh, sinh viên; đổi mới nội dung chương trình giáo dục thể chất<sup>5</sup>, đổi mới việc dạy và học môn Thể dục trong nhà trường nhằm sớm đạt được mục tiêu nâng cao tầm vóc thể lực người Việt Nam... Những giải pháp này vừa nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông hiện hành, vừa giúp giáo viên và học sinh làm quen với các hoạt động giáo dục mới khi triển khai chương trình, sách giáo khoa mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

Tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp<sup>6</sup> theo cách tiếp cận năng lực hành nghề theo chuẩn mực quốc tế và chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, chuyên gia theo hướng này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học<sup>7</sup>; xây dựng và công bố chuẩn đầu ra theo từng ngành đào tạo (trong đó đã có sự quan tâm về trình độ ngoại ngữ và các kỹ năng nghề nghiệp) để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; tổ chức đào tạo theo cách tiếp cận năng lực từ việc phát triển chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học theo chuẩn năng lực thực hiện; xây dựng dự án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tiên tiến<sup>8</sup>. Triển khai rộng rãi đào tạo theo tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học, tạo điều kiện cho việc đào tạo liên thông, công nhận văn bằng, chứng chỉ trong toàn hệ thống và với các đối tác quốc tế; bên cạnh đó sinh viên chủ động thực hiện chương trình học tập của mình, các nhà trường đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy; tập trung đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng tăng cường kỹ năng ứng dụng và thực hành, chú trọng đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã yêu cầu các cơ sở đào tạo tiến sĩ chú trọng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, gắn các đề tài, luận án của nghiên cứu sinh với thực tiễn, chuyển giao công nghệ cũng như công bố quốc tế; rà soát điều kiện đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ, từng bước nâng cao chuẩn đầu ra tiệm cận với chất lượng

<sup>5</sup> Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

<sup>6</sup> - Bộ Giáo dục và Đào tạo đã Ban hành 39 chương trình khung đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật về tuyển sinh, đào tạo theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính và tăng quyền tự chủ cho các trường. Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo cách tiếp cận năng lực và nhân rộng sang các ngành và trình độ khác; đưa chương trình Khởi tạo doanh nghiệp vào đào tạo trong các trường trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp khác giúp học sinh tốt nghiệp có thể khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã nhận chuyển giao hàng chục bộ chương trình dạy nghề cấp độ quốc tế từ Úc, Malaysia, Đức, hiện đang triển khai tổ chức đào tạo thí điểm tại 25 trường nghề được ưu tiên lựa chọn đầu tư thành trường nghề chất lượng cao vào năm 2020.

<sup>7</sup> Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

<sup>8</sup> Hiện nay, trên cả nước có 35 chương trình tiên tiến giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh thực hiện tại 23 trường đại học; 17 chương trình kỹ sư chất lượng cao; tổng số đã có khoảng 250 ngành/chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tiếp cận với chương trình các nước tiên tiến; trong đó gần 70 chương trình đã được các tổ chức kiểm định quốc tế công nhận đạt chuẩn.

đào tạo của khu vực và thế giới. Hiện nay, Bộ đang hoàn thiện phần mềm quản lý dữ liệu đào tạo tiến sĩ trong toàn hệ thống và sẽ được công khai để tăng cường giám sát của xã hội đối với chất lượng đào tạo tiến sĩ; đang tập trung sửa đổi Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành theo hướng tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo phát huy tính tự chủ trên cơ sở điều kiện đặc thù của từng trường và từng ngành, tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai thông tin minh bạch của cơ sở đào tạo với xã hội; giảm bớt những thủ tục quy định mang tính hình thức, giảm thiểu thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ<sup>9</sup>.

#### 5. Xây dựng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ phù hợp với Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trong đó giáo dục phổ thông được phân thành hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn giáo dục cơ bản bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, toàn diện và thực sự cần thiết; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp xác định thời điểm và mức độ phân hóa, hướng nghiệp phù hợp, bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp phù hợp với năng lực, nguyện vọng và chủ động chuẩn bị tốt cho giai đoạn giáo dục sau phổ thông.

Chương trình, sách giáo khoa mới coi trọng dạy người với dạy chữ, rèn luyện, phát triển cả về phẩm chất và năng lực; chú trọng giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, nhân cách, lối sống; phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu và định hướng nghề nghiệp cho mỗi học sinh; tăng cường năng lực ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng sống, làm việc trong điều kiện hội nhập quốc tế; bảo đảm yêu cầu giảm tải, tính thiết thực, khoa học, hiệu quả; phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo, khả năng tự học của học sinh; tăng cường tính tương tác trong dạy và học giữa thầy với trò, trò với trò và giữa các thầy giáo, cô giáo.

Thực hiện chủ trương một chương trình, nhiều sách giáo khoa. Chương trình mới được xây dựng, thẩm định và ban hành trước làm cơ sở cho việc biên soạn sách giáo khoa. Chương trình mới được thực hiện thống nhất trong toàn quốc, trong đó quy định những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh sau mỗi cấp học, nội dung và thời lượng giáo dục bắt buộc đối với tất cả học sinh, đồng thời có một phần thích hợp để các cơ sở giáo dục chủ động vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Khuyến khích các nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa. Nhà trường, giáo viên chủ động lựa chọn sách giáo khoa.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng kế hoạch triển khai tổng thể; ban hành quy định tiêu chuẩn chương trình giáo dục phổ thông; tiêu chuẩn người tham gia

<sup>9</sup> Quyết định 418/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2016 phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với nhóm thủ tục hành chính quy định liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.

xây dựng, người tham gia thẩm định chương trình, quy định về tổ chức và hoạt động của Ban xây dựng, Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình, triển khai thực hiện 28 nhiệm vụ khoa học cấp thiết phục vụ xây dựng, triển khai chương trình, sách giáo khoa mới; thí điểm triển khai các mô hình, phương pháp dạy học mới nhằm chuẩn bị triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; hoàn thiện dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Tổ chức làm việc với một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục trong nước và quốc tế để trao đổi, tiếp thu các ý kiến góp ý về dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng tiêu chí đánh giá sách giáo khoa và Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa, sau khi ban hành chương trình thì sẽ ban hành đồng bộ các văn bản này để định hướng cho các Nhà xuất bản, các tổ chức, cá nhân trong việc biên soạn sách giáo khoa; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch.

#### 6. Đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đổi mới mạnh mẽ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực của học sinh; chú trọng kết hợp đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học; hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá và biết nhận xét góp ý lẫn nhau. Các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, đề kiểm tra các môn theo ma trận ở các mức độ từ thấp đến cao, trong đó chú trọng mức độ vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn; việc thi, kiểm tra đánh giá môn ngoại ngữ được tập trung ở cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Tiếp tục triển khai đánh giá các chỉ số trí tuệ (IQ, AQ, EQ...) trong tuyển sinh trường THPT chuyên, trường chất lượng cao ở những nơi có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng; các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học có thi thực hành trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành đổi mới thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, tạo thuận lợi tối đa cho thí sinh. Trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm 2 năm đổi mới kỳ thi THPT quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện phương án tổ chức đề thi ngày càng nhẹ nhàng, hiệu quả hơn, đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy cao. Ngay sau khi kết thúc năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức lấy ý kiến của các sở giáo dục và đào tạo, các trường ĐH, CĐ trong cả nước; lập tổ công tác chuyên trách để nghiên cứu, tổng hợp ý kiến, xây dựng phương án và đã sớm công bố phương án tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy năm 2017 và những năm tiếp theo.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục đạt được nhiều kết quả nổi bật. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập 04 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục<sup>10</sup>, trong đó có 02 tổ chức kiểm định đã được cấp phép hoạt động và đã bắt đầu triển khai đánh giá ngoài từ tháng 10 năm 2015. Việc đào tạo kiểm định viên kiểm định

<sup>10</sup> Trung tâm kiểm định tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng và Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

chất lượng giáo dục được quan tâm triển khai, đến nay đã có hơn 500 người được cấp thẻ hành nghề và chúng chỉ hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên. Nguồn nhân lực này sẽ giúp các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện có hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục thời gian tới. Hiện nay, cả nước có 18 trường đã thực hiện đánh giá ngoài, trong đó có 6 trường được công nhận đạt chất lượng giáo dục (số còn lại đang chờ được công nhận, trừ 01 trường không đạt chuẩn). Kết quả kiểm định các trường sẽ là căn cứ để giao quyền tự chủ đại học và phân tầng, xếp hạng chất lượng các cơ sở giáo dục đại học.

Các cơ sở giáo dục đại học đã chủ động đăng ký tham gia kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn ASEAN (AUN)<sup>11</sup>; các địa phương đã tăng cường chỉ đạo các cơ sở giáo dục đẩy mạnh công tác tự đánh giá chất lượng trong nhà trường<sup>12</sup>; tổ chức triển khai công tác đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục trên địa bàn<sup>13</sup>. Đến nay, hầu hết các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đã hoàn thành việc tự đánh giá.

## 7. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo

### a) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Chính phủ đã ban hành Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Trên cơ sở đó, Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm viên chức giáo dục<sup>14</sup>; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội xây dựng quy định chuẩn giáo viên dạy nghề bao gồm chuẩn về trình độ chuyên môn, chuẩn về nghiệp vụ sư phạm và chuẩn về kỹ năng nghề; xây dựng quy định chức danh giáo viên dạy nghề...

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo như: Rà soát mạng lưới, quy mô và phương thức đào tạo của các trường sư phạm và các cơ sở đào tạo giáo viên; đội ngũ giảng viên các trường sư phạm; tăng cường hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong đào tạo giáo viên; tăng cường cơ sở vật chất các trường sư phạm; thực hiện kiểm định, đánh giá đúng và công khai chất lượng các cơ sở đào tạo giáo viên làm cơ sở cho việc giám sát của xã hội và xây dựng các giải pháp thường xuyên nâng cao chất lượng đào tạo; rà soát, sửa đổi các chuẩn nghề

<sup>11</sup> Ngày càng có nhiều chương trình đào tạo được các tổ chức kiểm định quốc tế công nhận; cả nước hiện đã có 66 chương trình (thuộc 17 cơ sở giáo dục ĐH) đã đạt chuẩn (AUN-QA: 48 chương trình, CTI: 16 chương trình, ABET: 2 chương trình) và một số chương trình đang chờ kết quả kiểm định AUN-QA.

<sup>12</sup> Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, toàn quốc có 41.510 trường hoàn thành tự đánh giá, đạt 95,10%; 11.965 trường được đánh giá ngoài, đạt 27,70%; 11822 trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, đạt 27,33%.

<sup>13</sup> Địa phương làm tốt: Hà Nội, Cần Thơ, Bắc Ninh, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, Lào Cai, Thừa Thiên - Huế, Tây Ninh, Đồng Tháp...

<sup>14</sup> Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 quy định chế độ làm việc đối với giảng viên; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng theo định hướng cập nhật, đáp ứng yêu cầu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới...

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm đội ngũ được thực hiện đúng quy định, nhiều địa phương đã có những phương án bố trí giáo viên, nhân viên trường học một cách linh hoạt để tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả biên chế<sup>15</sup>. Việc tôn vinh, đãi ngộ và thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp được thực hiện thiết thực, hiệu quả. Nhiều tấm gương giáo viên giỏi, nhà giáo tiêu biểu, xuất sắc đã được biểu dương, khen thưởng kịp thời để động viên, khích lệ các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không ngừng phấn đấu, vươn lên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non, phổ thông đã được nhiều địa phương tổ chức thực hiện<sup>16</sup>. Nhiều sở giáo dục và đào tạo đã tích cực chủ động phối hợp tốt với các cơ sở đào tạo giáo viên trong công tác xây dựng kế hoạch và bồi dưỡng đội ngũ<sup>17</sup>; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên ở nước ngoài tiếp tục được quan tâm đầu tư thông qua các đề án đào tạo bằng ngân sách nhà nước, học bổng Hiệp định và các chương trình học bổng khác<sup>18</sup>; công tác công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư đảm bảo chất lượng<sup>19</sup>.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tích cực triển khai, trong đó tập trung rà soát, hoàn thiện để ban hành các chuẩn giáo viên, chuẩn/tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục các cấp; đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp theo chuẩn/tiêu chuẩn ban hành, theo đó xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn; xây dựng lộ trình tinh giản biên chế những giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục không có khả năng đạt chuẩn. Bộ cũng chỉ đạo tăng cường gắn kết giữa các cơ sở đào tạo sư phạm với các địa phương trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; chú trọng bồi dưỡng thường xuyên ngay tại nhà trường cho đội ngũ giáo viên thông qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, trao đổi, tự học.

<sup>15</sup> Cả nước có gần 1,25 triệu giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy (trong đó có 294,6 nghìn giáo viên mầm non; 861,2 nghìn giáo viên phổ thông; 10,9 nghìn giáo viên trung cấp chuyên nghiệp; 91,1 nghìn giảng viên đại học, cao đẳng); khoảng 300 nghìn cán bộ quản lý cơ sở giáo dục các cấp.

<sup>16</sup> Nghệ An, Hà Nội, Phú Thọ, Hưng Yên, Sơn La, Lâm Đồng, Nam Định, Hà Tĩnh, Đồng Tháp...

<sup>17</sup> Có nhiều hoạt động phối hợp theo hình thức rất linh hoạt, hiệu quả như: Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP HCM duy trì hình thức tổ chức câu lạc bộ với Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo các tỉnh miền nam (32 tỉnh / thành phố), bàn và tìm ra các nội dung, giải pháp trong việc bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

<sup>18</sup> Năm học 2015-2016, đã cử đi 1374 lưu học sinh (46% tiến sĩ, 17% thạc sĩ, 34% đại học và 3% thực tập sinh) và tiếp nhận về nước 1322 lưu học sinh (45% tiến sĩ, 20% thạc sĩ, 31% đại học và 4% thực tập sinh). Hầu hết số tiến sĩ là giảng viên các trường đại học, cao đẳng, đóng góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng viên của Việt Nam.

<sup>19</sup> Qua 2 lần xét công nhận (năm 2015 và năm 2016), Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước đã công nhận 117 người đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư và 1108 người đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư.



## b) Đổi mới cơ chế tài chính, tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục

Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó quy định khung học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm 2015 - 2016 và các năm tiếp theo; khung học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp cho các năm học giai đoạn 2015 - 2021<sup>20</sup>. Chính phủ đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng báo cáo trình Quốc hội về miễn học phí đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi là người dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và học sinh trung học cơ sở theo lộ trình đến năm 2020. Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tiếp tục thực hiện chương trình tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn<sup>21</sup>.

Chính phủ tiếp tục quan tâm đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá và hiện đại, xóa bỏ các phòng học 3 ca, phòng học xuống cấp, phòng học tạm, phòng học nhờ, ưu tiên cho thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Thủ tướng Chính phủ đang xem xét để phê duyệt Đề án Bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2025. Khi Đề án được phê duyệt sẽ bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

Cơ sở vật chất của một số trường ĐH, CĐ đã được quan tâm đầu tư để có môi trường sư phạm tốt hơn<sup>22</sup>; một số trường đã có các phòng thí nghiệm hiện đại, đáp ứng được nhiệm vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học; một số trường đã xây dựng được thư viện điện tử hiện đại, đạt tiêu chuẩn khu vực. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao cho 7 trường ĐH sư phạm lớn nhất cả nước xây dựng dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo chuẩn bị cho đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

## 8. Đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo

Công tác quản lý giáo dục và đào tạo tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tăng cường phân cấp cho các địa phương, phân quyền cho các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, thực hiện Luật Giáo dục đại học 2013, Chính phủ đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng các quy chế, quy định, chính sách nhằm giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đại học trong các lĩnh vực: tổ chức và nhân sự; tài chính và tài sản; đào tạo,

<sup>20</sup> Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021:

<sup>21</sup> Tổng số học sinh, sinh viên còn dư nợ hiện nay là hơn 1,1 triệu với tổng dư nợ hơn 21.000 tỷ đồng. Mỗi năm có khoảng 300.000 học sinh, sinh viên được vay mới; mỗi sinh viên được vay mức hiện nay là 12,5 triệu/năm.

<sup>22</sup> Như Trường Đại học Thăng Long, Trường Đại học An Giang, Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng...

khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017<sup>23</sup> đã giao quyền tự chủ cao hơn trong tất cả các lĩnh vực hoạt động so với những quy định của Luật Giáo dục đại học và các nghị định khác của Chính phủ. Đến nay, đã có 14 cơ sở giáo dục đại học công lập được giao thí điểm tự chủ đổi mới cơ chế hoạt động theo quy định của nghị định này, bước đầu đạt hiệu quả tốt. Hiện nay, Chính phủ đang xây dựng Nghị định về cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập theo hướng đẩy mạnh tự chủ gắn với kiểm định đối với tất cả các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Công tác thanh tra giáo dục được đổi mới mạnh mẽ theo hướng kiện toàn tổ chức, nhân sự; tăng cường thanh tra công tác quản lý và trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở giáo dục đào tạo; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý sau thanh tra; xử lý nghiêm minh các sai phạm và công bố công khai cho xã hội<sup>24</sup>.

Triển khai Luật Giáo dục nghề nghiệp, Chính phủ cũng đã thống nhất giao Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước đối với các trường sư phạm. Quá trình chuyển giao đang được khẩn trương triển khai nhằm duy trì sự ổn định, liên tục và đảm bảo quyền lợi của người đang học.

9. Tăng cường hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới hợp tác và hội nhập quốc tế tiếp tục được hoàn thiện<sup>25</sup>, nhiều Hiệp định, thỏa thuận<sup>26</sup> với nước ngoài về hợp tác giáo dục, công nhận văn bằng, tín chỉ được ký kết, tạo cơ sở pháp lý để đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục. Chính phủ đang chỉ đạo sửa đổi

<sup>23</sup> Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ.

<sup>24</sup> Năm 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quyết định dừng tuyển sinh 161 ngành đào tạo thạc sĩ của 50 cơ sở đào tạo; chính thức thu hồi quyết định đào tạo tiến sĩ 57 chuyên ngành thuộc 27 cơ sở đào tạo do không khắc phục được tình trạng thiếu giảng viên. Năm 2014 và năm 2015 đã thu hồi quyết định cho phép đào tạo đối với 32 ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ đã bị dừng tuyển sinh của 15 cơ sở đào tạo do không đảm bảo điều kiện tuyển sinh trở lại.

<sup>25</sup> Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài; Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập; Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; Thông tư số 16/2016/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác; Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2014 về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam và Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2014 về Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài; Thông tư số 34/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 về Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

<sup>26</sup> Từ năm 2015 đến hết tháng 9 năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì ký kết 30 văn bản hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó có 5 điều ước quốc tế (cấp Chính phủ) và 25 thỏa thuận quốc tế (cấp Bộ).

Nghị định số 73/2012/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục theo hướng đề thúc đẩy hội nhập. Công tác hướng dẫn văn bản quy phạm pháp luật, giải quyết các công việc liên quan hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục được giải quyết kịp thời, tạo điều kiện thu hút hợp tác, đầu tư có chất lượng của nước ngoài.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang thí điểm một số mô hình giáo dục tiên tiến, chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, kiểm tra, đánh giá học sinh của nước ngoài ở bậc học phổ thông trong cả nước. Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình xây dựng, đổi mới chương trình và tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học. Khuyến khích các trường ĐH, CĐ và trung cấp tiếp nhận chuyển giao chương trình tiên tiến của nước ngoài, sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy, tăng cường thu hút chuyên gia nước ngoài và đội ngũ trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về nước tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học thời gian qua đã góp phần tích cực cho việc triển khai thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực cho một số ngành mũi nhọn ở nước ngoài theo các đề án sử dụng ngân sách nhà nước, các hiệp định, thỏa thuận với nước ngoài, các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, các chương trình tiên tiến và các chương trình chất lượng cao<sup>27</sup>. Số lượng học bổng các nước dành cho Việt Nam ngày càng tăng (Hungary từ 5 suất/năm lên 100 suất/năm từ năm 2016, Liên bang Nga từ 400 suất/năm lên 800 suất/năm vào năm 2016 và tiến tới 1.000 suất/năm vào năm 2018). Hợp tác quốc tế cũng đã góp phần tích cực trong việc trao đổi, bồi dưỡng giáo viên và đổi mới chương trình đào tạo ĐH đáp ứng nhu cầu thị trường lao động<sup>28</sup>.

Việc thu hút lưu học sinh nước ngoài đến Việt Nam học tập được Bộ và các cơ sở giáo dục đại học quan tâm, qua đó tăng nguồn thu cho các trường, tạo động lực để các trường nâng cao chất lượng và đặc biệt là các chương trình tiên tiến, chất lượng cao sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy<sup>29</sup>.

<sup>27</sup> Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, cả nước có 484 chương trình liên kết đào tạo với trên 200 cơ sở đào tạo nước ngoài của 85 cơ sở đào tạo Việt Nam đã được cấp phép hoạt động, trong đó có 257 chương trình đang hoạt động, 168 chương trình đã chấm dứt hoạt động và 59 chương trình dừng tuyển sinh. Số sinh viên/học viên tốt nghiệp các chương trình liên kết là hơn 38.000 (trong đó, có hơn 14.000 trình độ ĐH và hơn 24.000 trình độ thạc sĩ và tiến sĩ) và đang đào tạo hơn 22.000. Nhìn chung, các cơ sở đào tạo cơ bản đã khắc phục được các hạn chế, sai phạm trước đây (đào tạo khi chưa được cấp phép, tuyển sinh đầu vào không đúng theo quy định) để thực hiện tốt hơn các quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài.

Tích cực triển khai đào tạo nhân lực ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước theo Đề án 599, Đề án 911 tại hơn 40 quốc gia và các chương trình học bổng theo diện Hiệp định với 20 quốc gia.

<sup>28</sup> Hiện nay có khoảng 130.000 công dân Việt Nam đang học tập tại nước ngoài, trong đó tại Nhật bản có trên 38.000, Australia có 31.000, Hoa Kỳ: 28.000, Trung Quốc: 13.000, Anh: 11.000. Trong tổng số lưu học sinh Việt Nam nói trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang quản lý, cấp phát học bổng cho 5.519 lưu học sinh (LHS) đi học có sử dụng NSNN tại 44 nước trên thế giới, trong đó có 2.501 tiến sĩ, 580 thạc sĩ, 63 thực tập sinh và 2.375 đại học. Số LHS này đi học theo các nguồn kinh phí: Đề án 911, Đề án 599, Đề án Công nghệ sinh học và Thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đề án Hóa dược của Bộ Công Thương và học bổng diện Hiệp định với 20 nước (Ấn Độ, Ba Lan, Bê-la-rút, Bun-ga-ri, Căm-pu-chia, Ca-dắc-xtan, Cu-ba, Hung-ga-ri, Lào, Ma-rốc, Mông Cổ, Mô-dăm-bích, Môn-đô-va, LB Nga, Cộng hòa Séc, Ru-ma-ni, Trung Quốc, U-crai-na, Xi-lô-va-ki-a, Xri-lan-ca). Trong nửa cuối 2016 dự kiến khoảng 1.300-1.400 LHS sẽ lên đường đi học theo các diện học bổng trên.

<sup>29</sup> Hiện nay có khoảng 20.000 lưu học sinh nước ngoài (Anh, Áng-gô-la, Ba Lan, Bê-la-rút, Bun-ga-ri, Căm-pu-chia, Cu-ba, Ca-dắc-xtan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Triều Tiên, Hung-ga-ri, Lào, Mông Cổ, Mô-dăm-bích, Môn-đô-va, LB Nga, Pa-lét-tin, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Ru-ma-ni, Séc, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, U-crai-na, Xri-lan-ca...) đang học tập tại Việt Nam, trong đó lưu học sinh Lào là đông nhất (trên 12.000).

Chính phủ đã quan tâm, chỉ đạo sát sao việc xây dựng các trường ĐH xuất sắc gồm Trường ĐH Việt Đức (hợp tác với Đức), Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội (hợp tác với Pháp), Trường ĐH Việt Nhật (hợp tác với Nhật Bản), Viện Đào tạo Việt Anh thuộc Đại học Đà Nẵng (hợp tác với Anh) để tiếp thu kinh nghiệm về đào tạo và quản lý đại học theo mô hình của nước ngoài, góp phần đào tạo nhân lực chất lượng cao.

## II. MỘT SỐ HẠN CHẾ, YẾU KÉM

Bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 29, còn những hạn chế, yếu kém cần sớm khắc phục.

### 1. Công tác quản lý và chỉ đạo, điều hành hiệu lực, hiệu quả chưa cao

Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 29, tuy nhiên, việc thực hiện còn chưa đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan, công tác phối hợp còn hạn chế; chưa có giải pháp kịp thời nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; xây dựng và ban hành các đề án triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29 của một số bộ, ngành chưa bảo đảm tiến độ (*Phụ lục*).

Mặc dù đã phân cấp quản lý nhưng một số địa phương chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình trước các vấn đề giáo dục và đào tạo của địa phương.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều bất cập, cơ cấu không hợp lý, trình độ không đồng đều.

Công tác dự báo, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chưa hiệu quả, chưa sát với nhu cầu sử dụng.

Việc ban hành bổ sung chính sách về lương, chế độ phụ cấp thâm niên và phụ cấp khác theo tính chất, kết quả và chất lượng công việc, phù hợp với vùng, miền, chế độ ưu đãi với giáo viên, giảng viên, nhà giáo làm công tác quản lý giáo dục còn chậm. Nguyên nhân là do liên quan đến nhiều đơn vị, nhiều Bộ, ngành, thiếu nguồn lực tài chính để thực thi chính sách mới.

### 3. Cơ sở vật chất trường, lớp học còn rất thiếu

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học còn thiếu, lạc hậu; việc triển khai kiên cố hóa trường, lớp học, xây dựng nhà công vụ cho giáo viên để phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế của nước ta còn khó khăn. Ở một số địa phương nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất trường, lớp còn hạn hẹp, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Công tác xã hội hóa trong đầu tư cho giáo dục chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

### 4. Công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và THPT chưa tốt

Do hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay chưa mạch lạc, công tác quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo chồng chéo, công tác hướng nghiệp trong nhà trường còn hạn chế. Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của các chương trình đào tạo nghề còn yếu, chưa gắn với năng lực hành nghề, trang thiết bị các trường đào tạo

nghề thiếu đồng bộ, thiếu sự gắn kết với doanh nghiệp, đội ngũ giáo viên đào tạo nghề thiếu kinh nghiệm thực tế. Tâm lý chạy theo bằng cấp còn nặng nề.

5. Chất lượng đào tạo đại học còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội

Việc tăng quy mô giáo dục đại học không tương xứng với các điều kiện bảo đảm chất lượng khiến cho chất lượng đào tạo chưa cao. Chương trình đào tạo chậm được đổi mới, còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn, thiếu sự gắn kết giữa nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp trong vấn đề nhu cầu sử dụng lao động. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên chưa được quan tâm đúng mức. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa được đầu tư tương xứng. Công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động chưa tốt, chưa gắn kết giữa quy mô đào tạo với nhu cầu của thị trường.

6. Hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo chưa sâu, rộng

Hội nhập quốc tế trong giáo dục chưa sâu, không đồng đều giữa các địa phương và cơ sở giáo dục; chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút được nhiều chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại Việt Nam và cử chuyên gia, giảng viên của Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Nguyên nhân là do nhận thức và năng lực về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo của nhiều địa phương, cơ sở giáo dục còn hạn chế. Các nguồn lực đầu tư cho hội nhập quốc tế chưa tương xứng. Năng lực hội nhập chưa đáp ứng được yêu cầu mà đối tác đặt ra.

Công tác quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ được đào tạo ở nước ngoài chưa tốt. Cơ cấu ngành nghề liên kết đào tạo với nước ngoài còn mất cân đối, tập trung nhiều vào các nhóm ngành quản lý và kinh tế (70%). Số lượng chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ tiến sĩ còn rất hạn chế (12 chương trình chiếm khoảng 3% tổng số các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài).

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Việc triển khai Nghị quyết 29 được Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo và thực hiện, từ đó đã tạo động lực mới cho việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Sau 03 năm triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 29 với nhiều giải pháp đồng bộ, chúng ta đã đạt được một số kết quả quan trọng như công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi cơ bản hoàn thành, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được nâng lên rõ rệt; chất lượng giáo dục toàn diện học sinh phổ thông được nâng lên; chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có bước chuyển biến tích cực; giáo dục vùng khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số, giáo dục hòa nhập được quan tâm, bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục; công tác xóa mù chữ, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời được củng cố, từng bước nâng cao hiệu quả và chất lượng, bước đầu đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn một số hạn chế, đó là: sự phối hợp giữa các bộ, ngành có nơi, có lúc chưa thật chặt chẽ, hiệu quả; sự quan tâm

chỉ đạo của một số địa phương chưa được sâu sát, thường xuyên. Công tác xây dựng và thực hiện chính sách còn nhiều bất cập, công tác quản lý và chỉ đạo, điều hành hiệu lực, hiệu quả chưa cao; công tác quy hoạch hệ thống, phát triển đội ngũ, phân luồng học sinh, dạy và học ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện tự chủ, hội nhập quốc tế, phát triển cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế; công tác truyền thông giáo dục chưa tốt.

Chính phủ đã chỉ đạo ngành Giáo dục tập trung khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi và kết quả đã đạt được, năm học 2016 - 2017 và những năm tiếp theo phải tăng cường kỷ cương, nề nếp trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, trong đó giáo dục phổ thông chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng; giáo dục mầm non chú trọng việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, giảm tỷ lệ thất nghiệp.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 29 và Chương trình hành động của Chính phủ, trong đó ngành Giáo dục sẽ tập trung triển khai 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra, đó là: (i) Rà soát, quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trong cả nước; (ii) Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; (iii) Đẩy mạnh công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông; (iv) Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; (v) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; (vi) Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học; (vii) Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; (viii) Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; (ix) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI QUỐC HỘI**

1. Đưa vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội: Luật Nhà giáo (năm 2018) và Luật Giáo dục sửa đổi (năm 2019).

2. Ủng hộ việc phân bổ vốn trái phiếu cho giáo dục để tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học.

3. Xem xét miễn học phí đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi là người dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và học sinh trung học cơ sở theo lộ trình đến năm 2020.

## **Phần II**

### **ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015, 2016 PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017**

Đổi mới thi và tuyển sinh là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đổi mới thi và tuyển sinh không thể thực hiện ngay một lần và trong một năm mà phải có lộ trình khoa học với các bước đi phù hợp để học sinh và giáo viên kịp thay đổi cách học, cách dạy, tránh gây hoang mang, lo lắng đối với thí sinh, phụ huynh.

#### **I. THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐH, CĐ TRƯỚC NĂM 2015**

##### **1. Kỳ thi tốt nghiệp THPT**

Trong thời gian dài, kỳ thi tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo tổ chức cùng một thời gian trên toàn quốc, theo đề thi chung của Bộ. Tuy nhiên, quy định về môn thi và hình thức thi có khác nhau:

Trước năm 2000, tổ chức thi 4 môn, trong đó 2 môn bắt buộc là Toán và Ngữ văn; 2 môn còn lại được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn trong số các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí và công bố vào cuối tháng 3 hàng năm (riêng năm 1975 tổ chức thi tốt nghiệp THPT gồm 6 môn, trong đó có môn Chính trị). Đề thi của tất cả các môn ra theo hình thức tự luận.

Từ năm 2000 đến năm 2014, tổ chức thi 6 môn; trong đó, 3 môn bắt buộc là Toán, Ngữ văn và Ngoại ngữ (những học sinh không học ngoại ngữ hoặc học trong điều kiện không đảm bảo chất lượng dạy học được sở giáo dục và đào tạo cho phép thi môn thay thế), 3 môn còn lại và môn thi thay thế môn Ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn trong số các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí và công bố vào cuối tháng 3 hàng năm.

Trước năm 2006, tất cả các môn đều thi theo hình thức tự luận. Năm 2006, triển khai thi trắc nghiệm môn Ngoại ngữ; từ năm 2007 đến nay, các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ thi bằng hình thức trắc nghiệm, các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí thi bằng hình thức tự luận.

Việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT do sở giáo dục và đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nên còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trong tổ chức thi, trong đó rõ nhất là bệnh thành tích trong thi cử kéo dài nhiều năm, làm phát sinh các hiện tượng tiêu cực, gian lận ở nhiều địa phương, dẫn đến sai lệch kết quả thi nhất là các khâu coi thi, chấm thi làm cho thi cử trở nên nặng nề, tốn kém, không đạt hiệu quả thiết thực, không thực sự tác động tích cực thúc đẩy quá trình dạy học ở bậc học phổ thông trên phạm vi toàn quốc.

Kỳ thi tốt nghiệp THPT trong các năm từ 2012 đến 2014 đã được tổ chức nghiêm túc, thực chất hơn những năm về trước, nhưng nhìn chung dư luận xã

hội tin tưởng vào tính nghiêm túc, độ tin cậy của kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hơn là kỳ thi tốt nghiệp THPT. Do đó, có một số ý kiến đề nghị nên bỏ kỳ thi tốt nghiệp THPT mà chỉ giữ lại kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ.

## 2. Kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ

Giai đoạn sau hòa bình lập lại (1954 đến 1969) không tổ chức kỳ thi tuyển sinh riêng mà căn cứ vào kết quả học tập, lý lịch của học sinh. Trường THPT (cấp 3) cùng với Ban tuyển sinh cấp huyện lựa chọn, sắp xếp học sinh vào các trường ĐH, CĐ hoặc cử đi nước ngoài đào tạo; sau đó, những thí sinh vượt qua kỳ thi tốt nghiệp THPT sẽ được cử đi học theo kết quả bình xét nói trên.

Từ năm 1970, thay đổi phương thức tuyển sinh bằng cách tổ chức thi tuyển. Kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ kéo dài từ năm 1970 đến hết năm 2014. Tuy nhiên, cách thức tổ chức kỳ thi và quy định tuyển sinh được điều chỉnh nhiều lần:

### a) Giai đoạn từ 1970 đến 1979

- Chỉ tiêu vào các trường được phân bổ cho các tỉnh. Căn cứ vào năng lực học ở phổ thông, trường THPT sẽ cùng Ban tuyển sinh cấp huyện dự kiến xếp thí sinh vào các trường.

- Tùy thuộc vào từng trường mà thí sinh sẽ chọn môn thi hoặc khối thi là Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học hay Văn, Lịch sử, Địa lý.

- Thi tuyển sinh được tổ chức ở tỉnh, mỗi tỉnh tổ chức một số cụm thi (trộn lẫn học sinh của các trường THPT); giảng viên các trường ĐH, CĐ và sinh viên về các tỉnh coi thi.

- Thí sinh phải hoàn thành 2 kỳ thi: thi tốt nghiệp THPT và thi tuyển sinh ĐH, CĐ. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đủ điểm chuẩn do các trường quy định theo kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ sẽ được vào học ĐH, CĐ; thí sinh đạt kết quả cao sẽ được gửi sang nước ngoài để học tập.

### b) Giai đoạn từ 1980 đến 1990

- Thí sinh làm hồ sơ đăng ký dự thi vào các trường ĐH, CĐ phù hợp với nguyện vọng và năng lực của mình.

- Tùy theo trường đăng ký, thí sinh dự thi theo khối, gồm: A (Toán, Vật lý Hóa học); B (Toán, Hóa học, Sinh học); C (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý).

- Thí sinh phải thực hiện 2 kỳ thi: tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ. Chỉ thí sinh tốt nghiệp THPT mới được dự thi tuyển sinh.

- Tổ chức thi tại các tỉnh, mỗi tỉnh tổ chức một số cụm thi (trộn lẫn học sinh của các trường THPT); giảng viên các trường ĐH, CĐ và sinh viên về các tỉnh coi thi.

- Các trường căn cứ kết quả thi của thí sinh đăng ký vào trường mình để công bố điểm trúng tuyển.

- Thí sinh đạt kết quả cao sẽ được Nhà nước cử đi học tập ở nước ngoài.



c) Giai đoạn từ 1991 đến 2001

- Không tổ chức kỳ thi tuyển sinh chung, các trường ĐH, CĐ tự tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

- Tùy theo trường đăng ký, thí sinh dự thi theo khối, gồm: A (Toán, Vật lí, Hóa học); B (Toán, Hóa học, Sinh học); C (Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí); D (Toán, Ngữ Văn, Ngoại ngữ).

- Thí sinh phải thực hiện 2 kỳ thi: tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ. Chỉ thí sinh tốt nghiệp THPT mới được dự thi tuyển sinh.

- Thí sinh có thể đăng ký thi nhiều trường để tăng cơ hội trúng tuyển.

- Tổ chức thi tại trường ĐH, CĐ; phần lớn thí sinh phải tập trung về Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để dự thi (Do các trường ĐH, CĐ tập trung ở các thành phố lớn).

d) Giai đoạn từ 2002 đến 2014

- Tổ chức kỳ thi “3 chung”: chung đề, chung đợt thi và sử dụng chung kết quả thi.

- Chia làm 3 đợt thi: đợt 1 thi ĐH khối A (sau này thêm A1), đợt 2 thi ĐH khối B, C, D và đợt 3 thi CĐ (từ năm 2013 bỏ đợt 3, CĐ thi cùng ĐH).

- Tổ chức thi tại các trường ĐH, CĐ tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức thêm các cụm thi ở Cần Thơ, Quy Nhơn, Vinh, Hải Phòng để các thí sinh không phải đi xa và giám tải cho Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bộ quy định điểm sàn đối với từng khối thi. Các trường chỉ được phép xét tuyển các thí sinh có kết quả thi từ mức “sàn” trở lên.

Từ năm 2014, thực hiện quy định về tự chủ trong tuyển sinh theo Luật Giáo dục đại học, Bộ đã cho phép các trường xây dựng đề án tự chủ tuyển sinh và tự lựa chọn phương án tuyển sinh: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển. Các kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ theo hình thức “3 chung” trong 13 năm đã khẳng định những thành công, ưu điểm. Tuy vậy, hình thức thi “3 chung” đã bộc lộ một số hạn chế đối với sự phát triển đa dạng ngành nghề đào tạo trong các trường ĐH, CĐ; nhất là khi các trường ĐH, CĐ được quyền tự chủ tuyển sinh và đào tạo. Việc thi tuyển sinh ĐH, CĐ theo 5 khối (A, A<sub>1</sub>, B, C, D) đã hạn chế sự tự chủ của các trường ĐH, CĐ trong đánh giá một số năng lực cần thiết, đặc thù phù hợp với ngành đào tạo của trường, làm cho công tác tuyển sinh chưa thật sự linh hoạt, chưa hỗ trợ tốt cho các trường ĐH, CĐ tuyển chọn được những thí sinh có năng lực phù hợp nhất với các ngành đào tạo. Mặt khác, việc rất đông thí sinh từ các địa phương ở xa phải tập trung về các trường ĐH, CĐ dự thi tuyển sinh, đặc biệt là ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, gây ảnh hưởng sinh hoạt đô thị, tốn nhiều thời gian, công sức, tiền của và lãng phí.

## II. ĐỔI MỚI THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐH, CĐ

### 1. Mục tiêu

Mục tiêu chung của đổi mới thi và tuyển sinh là đảm bảo trung thực,

khách quan, giảm áp lực, giảm chi phí đối với thí sinh, gia đình và xã hội. Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tổ chức kỳ thi THPT quốc gia để sử dụng kết quả với 2 mục đích: xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để tuyển sinh ĐH, CĐ.

Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp và xem xét một cách toàn diện các khía cạnh của vấn đề, Thủ tướng Chính phủ đồng ý để Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai phương án đổi mới thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ từ năm 2015.

Phương án tổ chức kỳ thi THPT quốc gia là một giải pháp nằm trong các giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện chủ trương lớn được Đảng và Nhà nước xác định và quyết tâm triển khai. Phương án này là cách tiếp cận mới trên cơ sở tiếp tục kế thừa những kết quả đã đạt được từ kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2014 và cả những ưu điểm của thi tuyển sinh ĐH, CĐ theo hình thức “3 chung” những năm qua, đảm bảo tính liên tục của lộ trình đổi mới thi, không gây xáo trộn cho giáo viên và học sinh; đảm bảo tính khả thi, nghiêm túc trong việc tổ chức thi và tính khách quan, độ tin cậy của kết quả thi. Phương án không dựa trên việc bỏ một trong 2 kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc tuyển sinh ĐH, CĐ mà là tổ chức một kỳ thi chung nhằm đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 37/2004/QH11 của Quốc hội “*tiếp tục cải tiến công tác thi cử theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, thiết thực*”. Phương án cũng phù hợp với xu hướng chung của các nước trên thế giới hiện nay là coi trọng kỳ thi phổ thông trong việc đánh giá, xét tốt nghiệp và cung cấp cơ sở cho tuyển sinh ĐH, CĐ.

Việc đổi mới thi, tuyển sinh theo phương án sẽ làm cho thi cử trở nên gọn nhẹ, giảm áp lực cho thí sinh và xã hội; đồng thời không gây xáo trộn lớn đối với giáo viên và học sinh, tạo thuận lợi và tạo thêm nhiều cơ hội để thí sinh trúng tuyển vào ĐH, CĐ; các em vẫn tiếp tục được học, thi, kiểm tra, đánh giá theo chương trình, sách giáo khoa phổ thông như hiện nay nên không phải thay đổi cách học hay bổ sung kiến thức nhiều so với trước đây.

Theo phương án, lộ trình đổi mới thi và tuyển sinh được thực hiện qua 2 bước đảm bảo khoa học và khả thi: giai đoạn đầu là đổi mới cách thức tổ chức thi và giai đoạn thứ hai là đổi mới phương thức thi với sự điều chỉnh hợp lý để dần hoàn thiện qua từng giai đoạn, không gây “sốc” hoặc tạo hiệu ứng “ngược” đối với quá trình dạy học, tạo tâm lý ổn định cho học sinh, giáo viên, gia đình và xã hội.

## 2. Đổi mới cách thức tổ chức kỳ thi

### a) Kỳ thi THPT quốc gia năm 2015

Năm 2015 là năm đầu tiên Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kỳ thi THPT quốc gia lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để các cơ sở giáo dục ĐH sử dụng xét tuyển ĐH, CĐ.

Việc tổ chức kỳ thi này đã khắc phục về cơ bản những bất cập gây tổn kém, bức xúc của xã hội của các kỳ thi trước, thể hiện qua các ưu điểm chính sau: Từ việc thí sinh phải thi 4 đợt thi trong một năm, nay chỉ còn một đợt thi

duy nhất; thí sinh thay vì phải dồn về Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn để thi, nay có thể thi ngay tại địa phương hay địa phương lân cận, việc tổ chức thi nhẹ nhàng hơn trước; giảm tình trạng ách tắc giao thông và quá tải cơ sở hạ tầng, giảm tốn kém cho thí sinh, gia đình và xã hội; kết quả kỳ thi trung thực, khách quan được hầu hết các cơ sở giáo dục ĐH sử dụng để xét tuyển ĐH, CĐ.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ cho các trường ĐH chủ trì các cụm thi liên tỉnh và yêu cầu mỗi cụm thi phải có thí sinh của ít nhất 2 tỉnh nên vẫn còn một bộ phận thí sinh phải di chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác, gây khó khăn cho thí sinh và gia đình thí sinh. Bên cạnh đó, việc tổ chức 2 loại cụm thi (do trường ĐH chủ trì đối với thí sinh sử dụng kết quả cho 2 mục đích và sở giáo dục và đào tạo chủ trì đối với thí sinh sử dụng kết quả để xét công nhận tốt nghiệp THPT) đã gây tâm lý băn khoăn về sự công bằng trong tổ chức thi và kết quả thi; việc huy động một số lượng lớn giảng viên các trường ĐH về địa phương để tổ chức thi dẫn đến tốn kém. Đặc biệt, việc cho thí sinh thay đổi nguyện vọng đăng ký xét tuyển ĐH, CĐ đã xảy ra hiện tượng đổi nguyện vọng gây gây xáo trộn ở một số trường có tính cạnh tranh cao gây bức xúc trong xã hội; tuy chỉ liên quan đến khâu xét tuyển nhưng cũng ảnh hưởng tới kết quả chung của công tác đổi mới kỳ thi.

#### b) Kỳ thi THPT quốc gia năm 2016

Trên cơ sở phát huy những kết quả tích cực cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế của kỳ thi THPT quốc gia năm 2015, kỳ thi THPT quốc gia năm 2016 được tổ chức tốt hơn, trong đó có việc tổ chức cụm thi do trường ĐH chủ trì tại tất cả các tỉnh, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh trong việc đi lại, ăn ở, giảm áp lực và chi phí cho thí sinh và xã hội; đề thi có độ phân hóa tốt, đáp ứng được yêu cầu vừa sử dụng để công nhận tốt nghiệp THPT, vừa sử dụng để xét tuyển vào ĐH, CĐ; bước đầu đã ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong quản lý thi và tuyển sinh; các sở giáo dục và đào tạo đã đảm nhiệm tốt công tác tổ chức thi tại địa phương với sự phối hợp của các trường ĐH, CĐ.

Kỳ thi THPT quốc gia năm 2016 tuy đã khắc phục cơ bản những tồn tại của năm 2015 nhưng việc tổ chức kỳ thi vẫn còn một số bất cập như: duy trì 2 loại cụm thi (một do trường ĐH chủ trì, một do sở giáo dục và đào tạo địa phương chủ trì); một số lượng lớn cán bộ, giảng viên từ các trường ĐH, CĐ phải di chuyển về các địa phương, có nơi rất xa để coi thi, gây tốn kém và áp lực cho giảng viên; đề thi chưa bao quát tối đa chương trình, khiến cho học sinh vẫn lo lắng, dẫn đến học tủ, học lệch; thời gian thi, nhất là số ngày thi còn dài (thi 08 môn trong 4 ngày) gây vất vả cho thí sinh và công tác tổ chức; công tác chấm bài thi tự luận dù được tập trung chỉ đạo nhưng vẫn chưa thể đảm bảo tính khách quan tuyệt đối vì còn phụ thuộc nhiều vào giảng viên chấm thi... Do đó, nếu chỉ dừng lại ở việc đổi mới cách thức tổ chức kỳ thi mà không đổi mới phương thức thi thì việc đổi mới thi THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ vẫn chưa đạt được mục tiêu mà Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đề ra.

Cùng với việc tổ chức kỳ thi THPT quốc gia, từ năm 2015 thí sinh được đăng ký xét tuyển sau khi có kết quả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh. Nhưng do chưa quen với hình thức xét tuyển mới này nên nhiều học sinh, phụ huynh còn lo lắng. Việc cho thí sinh đăng ký nhiều nguyện vọng cũng dẫn đến vấn đề "thí sinh ảo" gây khó khăn cho các trường. Đây là những vấn đề mà phương án tuyển sinh năm 2017 cần tiếp tục xử lý.

### 3. Đổi mới phương thức thi - phương án tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2017

Xuất phát từ thực tiễn trên, phát huy những kết quả tích cực, khắc phục những điểm hạn chế của kỳ thi năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng phương án tổ chức kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển vào ĐH, CĐ năm 2017 và những năm tiếp theo. Cụ thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn tiếp tục tổ chức kỳ thi THPT quốc gia lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để các trường ĐH, CĐ tuyển sinh. Kỳ thi được tổ chức ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do sở giáo dục và đào tạo chủ trì, các trường ĐH, CĐ phối hợp, hỗ trợ tổ chức thi; triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức thi và xét tuyển ĐH, CĐ. Đặc biệt, áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan với hầu hết các bài thi (trừ môn Ngữ văn). Mỗi thí sinh trong cùng một phòng thi có một mã đề thi riêng. Kết quả làm bài của thí sinh được chấm bằng máy quét với phần mềm máy tính. Phương thức thi này có thể xem như hàng rào kỹ thuật đảm bảo cho kết quả kỳ thi tin cậy hơn, loại trừ hầu hết tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình coi thi, chấm thi.

Ngày 28 tháng 9 năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức công bố Phương án tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2017. Theo đó, sẽ tổ chức thi 5 bài, gồm: 3 bài thi độc lập (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ); 2 bài thi tổ hợp: Khoa học tự nhiên (tổ hợp các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học) và Khoa học xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân đối với giáo dục THPT; tổ hợp các môn lịch sử, địa lý đối với giáo dục thường xuyên). Kết quả chấm thi các bài thi tổ hợp sẽ cho biết điểm từng môn thành phần (phục vụ xét tuyển sinh ĐH, CĐ theo khối thi truyền thống) và điểm toàn bài thi (phục vụ xét công nhận tốt nghiệp THPT và xét tuyển sinh ĐH, CĐ theo tổ hợp môn thi, bài thi mới). Điểm liệt đối với mỗi bài thi độc lập và đối với mỗi môn thi thành phần trong bài thi tổ hợp là 1,0 điểm.

Cụ thể hơn, thí sinh giáo dục THPT thi 4 bài để lấy kết quả xét công nhận tốt nghiệp, gồm 3 bài thi bắt buộc (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ) và 1 bài thi tự chọn (bài thi Khoa học tự nhiên hoặc bài thi Khoa học xã hội). Với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh có thể chọn thi một trong các thứ tiếng: tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức hoặc tiếng Nhật. Thí sinh có thể dự thi cả 5 bài thi; điểm bài thi tự chọn nào cao hơn sẽ được tính để xét công nhận tốt nghiệp THPT. Thí sinh giáo dục thường xuyên thi 3 bài để lấy kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT, gồm 2 bài thi bắt buộc (Toán, Ngữ văn) và 1 bài thi tự chọn (bài thi Khoa học tự nhiên hoặc bài thi Khoa học xã hội). Thí sinh có thể dự thi cả 4 bài thi; điểm bài thi tự chọn nào cao hơn sẽ được tính để xét công

nhận tốt nghiệp THPT. Ngoài ra, thí sinh có thể thi thêm bài thi Ngoại ngữ để xét tuyển vào ĐH, CĐ nếu có nguyện vọng.

Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT dự thi để lấy kết quả xét tuyển vào ĐH, CĐ có thể chọn thi các bài thi hoặc các môn thành phần của bài thi Khoa học tự nhiên hoặc bài thi Khoa học xã hội phù hợp với tổ hợp bài thi, môn thi xét tuyển vào ngành, nhóm ngành theo quy định của các trường ĐH, CĐ. Thí sinh được sử dụng kết quả thi THPT quốc gia để đăng ký xét tuyển vào các trường ĐH, CĐ hệ chính quy năm 2017 theo quy định trong đề án tuyển sinh được các trường ĐH, CĐ công bố công khai.

Đề thi năm 2017 gồm các câu hỏi ở các cấp độ cơ bản phục vụ mục đích xét công nhận tốt nghiệp THPT và các câu hỏi phân hóa phục vụ mục đích xét tuyển ĐH, CĐ. Nội dung thi nằm trong chương trình lớp 12 THPT; năm 2018, nội dung thi nằm trong chương trình lớp 11 và lớp 12 THPT; từ năm 2019 trở đi, nội dung thi nằm trong chương trình cấp THPT.

Với phương thức như vậy, các cơ sở giáo dục ĐH có thể yên tâm sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để làm căn cứ tuyển sinh. Những trường có yêu cầu cao, trường có ngành đặc thù, năng khiếu có thể tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên biệt hay tổ chức thi môn năng khiếu theo quy định để lựa chọn được thí sinh vào học các ngành phù hợp.

Các trường có nhiều giải pháp lựa chọn phương thức để tuyển sinh, như: (i) Xét tuyển dựa vào kết quả các bài thi THPT quốc gia; (ii) Sơ tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia hoặc dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT kết hợp với thi đánh giá năng lực chuyên biệt của thí sinh; (iii) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT; (iv) Phối hợp nhiều phương thức tuyển sinh.

Năm 2017, để đảm bảo quyền lợi cho thí sinh, trong phương án thi, tuyển sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn dự kiến cho thí sinh đăng ký nhiều nguyện vọng, nhưng Bộ sẽ xây dựng phần mềm phần mềm xét tuyển chung giúp hỗ trợ các trường hạn chế bớt số lượng thí sinh “ảo”. Bộ cũng yêu cầu các trường phải chủ động có giải pháp khắc phục tình trạng thí sinh “ảo” như: xác định chỉ tiêu phù hợp với với năng lực đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động; nâng cao chất lượng đào tạo; làm tốt hơn công tác truyền thông...

Như vậy, những điều chỉnh trong phương án thi, tuyển sinh năm 2017 đã có sự thay đổi về cách tổ chức thi, môn thi, thời gian thi, chấm bài thi... Đây là những giải pháp khắc phục tình trạng học lệch, học tủ, phát huy năng lực, sở trường của học sinh.

Việc đổi mới phương thức thi từ tự luận sang trắc nghiệm không ảnh hưởng đến cách dạy, cách học cũng như sự chuẩn bị từ trước của thí sinh. Trên thực tế, từ năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thi trắc nghiệm 4 môn (Vật lí, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ). Mười năm qua, phương thức thi này đã thể hiện được tính ưu việt trong công tác tổ chức thi cũng như về sự khách quan, chính xác của kết quả thi. Trong hướng dẫn nhiệm vụ năm học hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo đều yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo

các trường THPT thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học học của học sinh bằng cả 2 hình thức: tự luận và trắc nghiệm. Vì vậy, thí sinh sẽ không gặp khó khăn gì khi đổi mới phương thức thi.

Ngày 06 tháng 10 năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố 14 đề thi minh họa của các môn thi năm 2017 để giáo viên và học sinh tham khảo. Dự luận xã hội đánh giá tích cực về nội dung cũng như về phương thức thi trắc nghiệm khách quan.

Đổi mới thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ, ngoài việc làm cho kỳ thi trở nên nhẹ nhàng, trung thực, khách quan hơn, còn tác động tích cực trong đổi mới cách dạy, cách học của các trường THPT từ đó nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với các trường ĐH, CĐ, kết quả của kỳ thi nghiêm túc, có độ phân hóa tốt sẽ giúp cho các trường thuận lợi hơn trong tuyển sinh; tổ hợp xét tuyển đa dạng cũng giúp cho các trường tuyển được thí sinh phù hợp hơn đối với các ngành khác nhau.

Phương án tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2017 sẽ được tiếp tục áp dụng trong các năm 2018, 2019 với những điều chỉnh hợp lý trên cơ sở rút kinh nghiệm tổ chức thi và tuyển sinh từng năm, đồng bộ với quá trình đổi mới dạy học, kiểm tra đánh giá trong các nhà trường phổ thông, để từ năm 2020 trở đi được tổ chức ổn định đảm bảo sự tương thích với định hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đã được Chính phủ phê duyệt.

Đổi mới thi, tuyển sinh liên quan đến hàng triệu thí sinh, là mối quan tâm của toàn xã hội. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cầu thị, lắng nghe những ý kiến hay, những giải pháp khả thi để xây dựng phương án tổ chức kỳ thi THPT quốc gia phù hợp nhất trong điều kiện hiện nay.

### Phần III

## KẾT QUẢ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

### I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI (VNEN)

Mô hình trường học mới được Ngân hàng thế giới và UNESCO hỗ trợ để các chuyên gia giáo dục hàng đầu thế giới thiết kế cho các nước đang phát triển và được triển khai thành công ở một số nước, hiện nay đã được nhiều nước khác áp dụng. Mô hình này đã giành được một số giải thưởng quốc tế và được Ngân hàng thế giới cũng như UNESCO đánh giá là một trong ít mô hình phù hợp nhất với điều kiện giáo dục của các nước đang phát triển. Chính vì vậy, Ngân hàng thế giới đã giới thiệu và hỗ trợ Việt Nam tham quan mô hình tại Colombia và đề xuất Tổ chức hợp tác giáo dục toàn cầu (*Global Partnership for Education*) tài trợ cho Việt Nam nghiên cứu, vận dụng.

Mô hình trường học mới gắn liền với đời sống, làm cho học sinh hiểu biết và yêu mến, muốn đóng góp xây dựng quê hương của chính các em. Đặc biệt mô hình trường học mới luôn hướng vào hình thành các năng lực và phẩm chất của người công dân và năng lực công dân toàn cầu.

Quan điểm về thiết kế mô hình trường học mới đó là: nghiên cứu lựa chọn cách làm hay để vận dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam, đồng thời kế thừa những gì Việt Nam đã có để xây dựng mô hình phù hợp với thực tiễn. Mô hình trường học mới tại Việt Nam cũng dựa vào những thành tựu khoa học giáo dục tiên tiến của thế giới, dựa trên quy luật nhận thức và những thành tựu tiên tiến của khoa học giáo dục, được thiết kế thành các bước chung cho các nội dung học tập và hoạt động giáo dục.

Mô hình trường học mới Việt Nam dựa vào cơ sở khoa học của thuyết kiến tạo (mỗi cá nhân học sinh phải tự hoạt động làm ra sản phẩm học tập cho chính mình bằng cách vận dụng kiến thức đã có để giải quyết tình huống mới nảy sinh và sắp xếp kiến thức mới nhận được vào cấu trúc các kiến thức hiện có của mình, để gia tăng kiến thức và ứng dụng thực tiễn); vận dụng thuyết tâm lý học hoạt động (giáo viên tổ chức, hướng dẫn để từng học sinh phải tự mình thực hiện các hoạt động, qua đó lĩnh hội được kiến thức).

Mô hình trường học mới đã thiết kế các bài học (trong sách hướng dẫn học) theo đúng các bước trong quy trình nhận thức khoa học với sự gia công sơ phạm để dễ học, dễ vận dụng kiến thức.

Dựa trên các quan điểm tâm lý học và lý luận giáo dục hiện đại nói trên, kế thừa những thành tựu đã có, kết hợp hài hòa với thực tiễn của giáo dục Việt Nam, căn cứ vào chương trình giáo dục hiện hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương thiết kế mô hình trường học mới Việt Nam theo *định hướng phát triển năng lực người học*, trong đó coi trọng giáo dục lấy học sinh làm trung tâm. Để thực hiện định hướng trên, mô hình tập trung vào đổi mới 5 nội dung cơ bản: (i)

Đổi phương pháp dạy; (ii) Đổi mới phương pháp học; (iii) Đổi mới phương pháp đánh giá học sinh; (iv) Đổi mới tổ chức lớp học; (v) Đổi mới sự tham gia của gia đình và cộng đồng trong quá trình giáo dục.

## II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

### 1. Đối với cấp tiểu học

#### a) Triển khai thí điểm mô hình

Năm học 2011 - 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thí điểm mô hình tại 6 tỉnh là Hà Giang, Lào Cai, Hòa Bình, Kon Tum, Đắk Lắk, Khánh Hòa (với 48 lớp 2, tại 24 trường ở 12 huyện).

Ngày 09 tháng 01 năm 2013, Chính phủ đã ký Hiệp định tài trợ số GPE TF013048 với Tổ chức hợp tác giáo dục toàn cầu tại trợ, uỷ thác qua Ngân hàng thế giới; cơ quan giám sát là tổ chức UNESCO tại Việt Nam tài trợ Dự án mô hình trường học mới tại Việt Nam. Dự án mô hình trường học mới (*Dự án GPE-VNEN*) với 1447 trường tiểu học của 63 tỉnh, thành phố. Nguyên tắc các trường tham gia Dự án là tự nguyện và tập trung hỗ trợ các địa phương còn nhiều khó khăn, có học sinh dân tộc thiểu số và có kết quả học tập môn Tiếng Việt và môn Toán thấp, các tỉnh có điều kiện kinh tế trung bình, mỗi huyện được 1 đến 3 trường tiểu học tham gia dự án làm hạt giống cho huyện; các tỉnh có điều kiện kinh tế thuận lợi, mỗi tỉnh được một trường làm hạt giống.

#### b) Triển khai mô hình tại các trường trong phạm vi dự án

Năm học năm học 2012 - 2013, Dự án Mô hình trường học mới triển khai tại 63 tỉnh, thành phố với tổng số trường tham gia Dự án là 1447 trường (Nhóm 1: gồm 20 tỉnh vùng núi khó khăn, có học sinh dân tộc thiểu số: 1143 trường; Nhóm 2: gồm 21 tỉnh trung bình: 282 trường; Nhóm 3: gồm 22 tỉnh thuận lợi: 22 trường), tổng số điểm lẻ: 1848 điểm, tổng số học sinh tham gia VNEN là 438274 học sinh/1447 trường.

#### c) Triển khai nhân rộng mô hình

Ngoài 1.447 trường thuộc Dự án, theo từng năm học, số trường tiểu học tự nguyện áp dụng mô hình VNEN tăng lên, cụ thể như sau:

- Năm học 2013 - 2014, đã có 20 tỉnh tự nguyện mở rộng áp dụng mô hình này ở các trường ngoài dự án với 257 trường/tổng số học sinh là 62064 học sinh.

- Năm học 2014 - 2015, đã có 20 tỉnh tự nguyện mở rộng áp dụng mô hình này với 987 trường/tổng số học sinh là 133562 học sinh.

- Năm học 2015 - 2016, đã có 54 tỉnh tự nguyện mở rộng áp dụng mô hình này với 2245 trường/tổng số học sinh là 450445 học sinh.

- Năm 2016 - 2017, các trường tiểu học thuộc Dự án là 1370 trường, giảm 73 trường của Hà Giang và 4 trường của các tỉnh khác do sáp nhập trường; có 3067 trường không thuộc Dự án tự nguyện tham gia áp dụng mô hình.



## 2. Đối với cấp trung học cơ sở

Từ năm học 2014 - 2015, mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở được triển khai thực nghiệm tại 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum), mỗi tỉnh 2 huyện, mỗi huyện 2 trường, mỗi trường 2 lớp 6 (tổng số 48 lớp). Qua thực nghiệm, mô hình tổ chức lớp học và tổ chức nhà trường cùng với tài liệu hướng dẫn học đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với đối tượng học sinh trung học cơ sở và điều kiện của các nhà trường hiện nay.

Từ năm học 2015 - 2016, Bộ triển khai mở rộng mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở đối với lớp 6 trên tinh thần tự nguyện (đáp ứng nhu cầu của học sinh đã học xong lớp 5 từ 1447 trường tiểu học tham gia Dự án GPE-VNEN), trong đó có 1214 trường với 2980 lớp.

Năm học 2016 - 2017, số trường thực hiện mô hình trường học mới đối với lớp 6 là 1161 trường với 2995 lớp, lớp 7 là 1035 trường với 2514 lớp.

## III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUA 3 NĂM

### 1. Ưu điểm

Sau 3 năm triển khai cho thấy mô hình có nhiều điểm tích cực, tạo được môi trường giáo dục thân thiện, dân chủ trong nhà trường và lớp học; học sinh tích cực, tự lực, tự quản trong học tập; mối liên hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và cộng đồng được tăng cường. Cụ thể:

- Cán bộ quản lý và giáo viên đã tích cực tự tìm tòi, nghiên cứu để triển khai mô hình trường học mới.

- Việc tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới tạo được không khí vui tươi và thuận lợi cho quá trình tổ chức các hoạt động học tập, tăng cường được mối liên hệ giữa học sinh với học sinh, học sinh với giáo viên, nhà trường với phụ huynh học sinh và cộng đồng.

- Giáo viên bước đầu đã biết tổ chức hoạt động học cho học sinh theo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực thông qua các hoạt động học trong mỗi bài học của mô hình trường học mới; giờ học đã cởi mở hơn, mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh gần gũi, thân thiện hơn.

- Học sinh đã bước đầu bắt nhịp được với hình thức học tập mới; tích cực và tự lực hơn trong học tập; bước đầu biết trao đổi thảo luận cặp đôi, thảo luận nhóm; có tiến bộ trong giao tiếp, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập.

- Đánh giá học sinh: Đánh giá không chỉ đo lường kết quả học tập học sinh như trước đây, mô hình còn đánh giá quá trình học tập và sự vận dụng kết quả học tập của học sinh, để hướng dẫn học sinh học tập tốt hơn. coi trọng đánh giá thường xuyên bằng nhận xét. Học sinh tự đánh giá và đánh giá bạn. Cha mẹ học sinh cùng tham gia vào quá trình đánh giá học sinh.

- Nhà trường mở: Tổ chức hoạt động học tập, hoạt động giáo dục có thể diễn ra ngoài lớp, ngoài nhà trường. Cha mẹ học sinh có thể đến thăm lớp học,

ngồi học cùng với con tại lớp học. Cộng đồng có thể chủ động đưa các nội dung giáo dục phù hợp vào nhà trường.

## 2. Hạn chế

- Việc áp dụng mô hình trường học mới này chưa thực sự phù hợp với điều kiện của một số địa phương (như không gian lớp học chưa đảm bảo đáp ứng yêu cầu dạy học theo mô hình này; sĩ số lớp đông ở khu vực trung tâm nên không phù hợp, diện tích phòng học không đủ chỗ cho học sinh tổ chức trò chơi khởi động...) nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai.

- Một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ về mô hình và điều kiện áp dụng; cán bộ quản lý và giáo viên chưa được chuẩn bị chu đáo, một bộ phận ngại đổi mới hoặc áp dụng mô hình một cách máy móc; việc triển khai nóng vội, áp dụng ngay cả ở những trường còn khó khăn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, sĩ số lớp học đông... dẫn đến việc tổ chức hoạt động giáo dục chưa đạt được hiệu quả mong muốn, gây ra những băn khoăn trong dư luận.

- Tài liệu hướng dẫn học vẫn còn một số nội dung chưa logic, không đồng bộ, bất cập (như một số tên bài chưa gắn với mục tiêu bài học, một số bài chưa phù hợp, nội dung thiếu, mắc lỗi kỹ thuật, dung lượng kiến thức lớn, hình minh họa không rõ...).

- Tập huấn chưa đầy đủ, chu đáo, chưa thực sự làm tốt khâu tuyên truyền đến cộng đồng.

Những bất cập nói trên trong áp dụng mô hình trường học mới đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiêm túc rút kinh nghiệm.

## IV. KẾT HOẠCH TRIỂN KHAI TỪ NĂM HỌC 2016 -2017

Nhằm tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, rút kinh nghiệm quá trình triển khai thực hiện vừa qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 8 năm 2016 đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo tiếp tục chủ động nghiên cứu, áp dụng các phương thức giáo dục tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn để đảm bảo thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục; đồng thời chủ động nghiên cứu, lựa chọn các thành tố tích cực của mô hình trường học mới để bổ sung vào phương thức giáo dục đang áp dụng. Cụ thể như sau:

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục đang triển khai mô hình trường học mới tiếp tục triển khai trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo đạt hiệu quả thiết thực và duy trì trong suốt cấp học vì quyền lợi của học sinh.

- Đối với các cơ sở giáo dục không áp dụng mô hình trường học mới, có thể lựa chọn một số thành tố tích cực của mô hình trường học mới để bổ sung vào đổi mới phương thức giáo dục đang thực hiện, đảm bảo nguyên tắc lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiếp tục chủ động nghiên cứu đổi mới, sáng tạo trong tổ chức dạy và học; áp dụng các mô hình giáo dục tiên tiến khác phù hợp với điều kiện thực tiễn; đồng thời thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong phụ huynh học sinh và dư luận xã hội nhằm thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Triển khai hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương đã nhận thức đầy đủ hơn về bản chất của mô hình trường học mới; thấy rõ hơn nguyên nhân của những hạn chế trong việc triển khai mô hình trường học mới trong thời gian qua và có những điều chỉnh phù hợp tình hình thực tiễn.

## Phần IV

### VIỆC TỔ CHỨC DẠY HỌC NGOẠI NGỮ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

#### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI DẠY HỌC NGOẠI NGỮ THỜI GIAN QUA

Theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, ngoại ngữ là một môn học chính thức từ lớp 6 đến lớp 12 (hệ 7 năm). Theo Quyết định trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình 4 môn ngoại ngữ là chương trình môn tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung Quốc.

Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020 có đề cập tới khái niệm ngoại ngữ 1 và ngoại ngữ 2. Trong đó, ngoại ngữ 1 là môn học bắt buộc trong chương trình phổ thông; ngoại ngữ 2 là môn học không bắt buộc, học sinh có thể lựa chọn để học nếu có nhu cầu và điều kiện giảng dạy cho phép.

Theo Quyết định số 2051/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tiếng Nhật được bổ sung dạy học trong trường phổ thông như ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 tùy theo nhu cầu và lựa chọn của các địa phương và người học.

Xuất phát từ nhu cầu hội nhập của đất nước, việc đưa nhiều ngoại ngữ vào chương trình giáo dục phổ thông là tất yếu và qua thực tế hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thực hiện. Ở Châu Âu đa số các quốc gia yêu cầu học sinh phải học ngoại ngữ 1 từ 6 tới 9 tuổi và phải học ngoại ngữ 2 từ 11 tới 15 tuổi<sup>30</sup>. Những ngoại ngữ nào được lựa chọn để dạy học phụ thuộc vào yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, quan hệ đối ngoại của quốc gia cùng với nhu cầu của học sinh và của các địa phương. Đối với Việt Nam hiện nay, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc và tiếng Nhật được chọn theo nhu cầu đó, hơn nữa các quốc gia nói trên cũng là các quốc gia có mối quan hệ truyền thống, chiến lược với Việt Nam. Việc lựa chọn ngoại ngữ nào trong số các ngoại ngữ trên làm môn học bắt buộc (ngoại ngữ 1) là quyền của người học, phù hợp với điều kiện dạy học<sup>31</sup> và nhu cầu của địa phương<sup>32</sup>.

Ở Việt Nam, tiếng Anh được lựa chọn là ngoại ngữ chủ yếu, được dạy ở tất cả các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và khoảng 60% trường tiểu học trên cả nước hiện nay. Tỷ lệ học sinh lựa chọn tiếng Anh là ngoại ngữ 1 chiếm hơn 99% trên tổng số học sinh học ngoại ngữ. Việc dạy học các môn

<sup>30</sup> Nguồn tài liệu tham khảo: <http://www.pewresearch.org/fact-tank/2015/07/13/learning-a-foreign-language-a-must-in-europe-not-so-in-america/>

<sup>31</sup> Có giáo viên dạy ngoại ngữ đó; đủ số học sinh để tổ chức lớp học và duy trì thường xuyên qua các năm.

<sup>32</sup> Các tỉnh biên giới phía Bắc học sinh có nhu cầu học tiếng Trung Quốc; các tỉnh Nam Trung Bộ có nhiều khách du lịch người Nga nên có nhu cầu học tiếng Nga; các tỉnh có khu công nghiệp, khu chế xuất có nhiều nhà đầu tư từ Hàn Quốc, Nhật Bản nên học sinh có nhu cầu học tiếng Hàn, tiếng Nhật.

tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật ở các vùng miền, các trường chuyên biệt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện tại, tiếng Pháp<sup>33</sup>, tiếng Nga<sup>34</sup>, tiếng Trung Quốc<sup>35</sup>, tiếng Nhật<sup>36</sup> đã và đang được dạy ở một số vùng miền, trường chuyên trên toàn quốc ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; riêng tiếng Pháp được dạy ở một số trường tiểu học và tiếng Nhật bắt đầu được dạy thí điểm từ lớp 3 từ năm học 2016 - 2017. Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn cụ thể việc dạy học từng ngoại ngữ với yêu cầu phải đảm bảo đủ các điều kiện dạy và học, theo nhu cầu của địa phương và do cha mẹ học sinh, học sinh tự nguyện tham gia.

Từ nhiều năm nay, để tổ chức dạy và học các môn ngoại ngữ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang chuẩn bị chương trình giảng dạy, tài liệu giảng dạy, đội ngũ giáo viên, và cơ sở hạ tầng thiết bị phục vụ việc dạy và học ngoại ngữ theo khuôn khổ Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Từ năm 2014, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu xây dựng phương án đưa tiếng Anh vào dạy từ lớp 1 với nội dung học phù hợp lứa tuổi, phù hợp điều kiện của từng địa phương, vùng miền.

Hiện tại, tiếng Pháp<sup>37</sup>, tiếng Nga<sup>38</sup>, tiếng Trung Quốc<sup>39</sup>, tiếng Nhật<sup>40</sup>, tiếng Đức<sup>41</sup> đã và đang được dạy ở một số vùng miền, trường chuyên trên toàn quốc ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; riêng tiếng Pháp được dạy ở một số trường tiểu học, tiếng Nhật bắt đầu được dạy thí điểm từ lớp 3, tiếng Hàn Quốc

<sup>33</sup> Tiếng Pháp được dạy tại 34 tỉnh. Học sinh chọn học theo một trong các chương trình: chuyên, tăng cường, song ngữ, ngoại ngữ 1, ngoại ngữ 2. Số lượng học sinh như sau: 6691 học sinh tiểu học; 8228 học sinh trung học cơ sở; 27.603 học sinh trung học phổ thông.

<sup>34</sup> Tiếng Nga được dạy tại 10 tỉnh (Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Thái Nguyên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An), tại 01 trường trung học cơ sở và 12 trường trung học phổ thông. Học sinh chọn học tiếng Nga là ngoại ngữ 1 với số lượng khoảng 1200 học sinh.

<sup>35</sup> Tiếng Trung Quốc được dạy tại 9 tỉnh (Hà Nội, Hà Giang, Lào Cai, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hòa Bình, Thái Nguyên, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh), tại 28 trường trung học cơ sở và 18 trường trung học phổ thông với khoảng 12.000 học sinh, chủ yếu là học sinh chọn làm ngoại ngữ 1.

<sup>36</sup> Tiếng Nhật được dạy tại 7 tỉnh (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Bình Định, TP. Hồ Chí Minh), tại 32 trường với khoảng 25.000 học sinh đang học như là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2.

<sup>37</sup> Tiếng Pháp được dạy tại 34 tỉnh. Học sinh chọn học theo một trong các chương trình: chuyên, tăng cường, song ngữ, ngoại ngữ 1, ngoại ngữ 2. Số lượng học sinh như sau: 6691 học sinh tiểu học; 8228 học sinh trung học cơ sở; 27.603 học sinh trung học phổ thông.

<sup>38</sup> Tiếng Nga được dạy tại 10 tỉnh (Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Thái Nguyên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An), tại 01 trường trung học cơ sở và 12 trường trung học phổ thông. Học sinh chọn học tiếng Nga là ngoại ngữ 1 với số lượng khoảng 1200 học sinh.

<sup>39</sup> Tiếng Trung Quốc được dạy tại 9 tỉnh (Hà Nội, Hà Giang, Lào Cai, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hòa Bình, Thái Nguyên, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh), tại 28 trường trung học cơ sở và 18 trường trung học phổ thông với khoảng 12.000 học sinh, chủ yếu là học sinh chọn làm ngoại ngữ 1.

<sup>40</sup> Tiếng Nhật được dạy tại 7 tỉnh (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Bình Định, TP. Hồ Chí Minh), tại 32 trường với khoảng 25.000 học sinh đang học như là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2.

<sup>41</sup> Tiếng Đức được dạy ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Học sinh chọn học Tiếng Đức là ngoại ngữ 1 có 218 học sinh tại Hà Nội, 130 học sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh; chọn làm ngoại ngữ 2 có 1041 học sinh tại Hà Nội, 592 học sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh, 120 học sinh tại Đà Nẵng.

cũng được thí điểm dạy như ngoại ngữ 2 ở giáo dục phổ thông tại một số địa phương từ năm học 2016 - 2017.

Tiếng Nga và tiếng Trung Quốc đã và đang được giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân từ nhiều năm nay (hệ 7 năm). Bộ Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch xây dựng chương trình tiếng Nga và tiếng Trung Quốc hệ 10 năm (từ lớp 3 đến lớp 12). Việc xây dựng chương trình này nhằm đảm bảo triển khai khi nhà trường có đủ điều kiện và có nguyện vọng dạy tiếng Nga, tiếng Trung Quốc từ lớp 3 (đây là yêu cầu không bắt buộc, tùy thuộc vào điều kiện dạy học của địa phương và nhu cầu của học sinh); đồng thời thực hiện yêu cầu chuẩn năng lực ngoại ngữ theo các bậc học từ tiểu học đến trung học phổ thông theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

## **II. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ THỜI GIAN QUA**

Việc dạy và học ngoại ngữ tại các trường phổ thông trong thời gian qua gặp một số khăn trong đó có các khó khăn chính sau:

- Đội ngũ giáo viên ngoại ngữ thiếu, năng lực của giáo viên không đồng đều giữa các khu vực, địa phương, đặc biệt là giáo viên đáp ứng được yêu cầu về trình độ và năng lực dạy ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ngoại ngữ ở nhiều địa phương, cơ sở giáo dục (nhất là khu vực nông thôn, miền núi) còn nhiều khó khăn; điều kiện dạy và học ngoại ngữ vẫn còn hạn chế, thiếu đồng bộ.

- Hình thức dạy học ngoại ngữ hiện nay vẫn chủ yếu được tiến hành trên lớp với thời lượng 3 tiết/tuần; môi trường giao tiếp ngoại ngữ rất hạn chế, học sinh ít có cơ hội thực hành ngoài thời gian học trên lớp. Hơn nữa, sĩ số học sinh trên mỗi lớp học còn đông, trong khi giáo viên vẫn chủ yếu sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống, do vậy việc rèn luyện đầy đủ các kỹ năng cho học sinh rất hạn chế.

- Đa số học sinh chưa có động cơ tự thân đối với việc học ngoại ngữ do đó việc học tập của học sinh còn mang tính đối phó. Bên cạnh đó, ngoại ngữ là môn học khó, học sinh vừa phải rèn luyện các kỹ năng vừa phải học kiến thức ngôn ngữ. Trong khi đó ngoại ngữ là môn thi bắt buộc cho học sinh tất cả các vùng miền trên cả nước là một thách thức đối với học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Học sinh có điều kiện lựa chọn ngoại ngữ ưa thích để học tập, do điều kiện dạy học ngoại ngữ hiện nay còn hạn chế, nhất là chưa đủ giáo viên theo yêu cầu tự chọn của học sinh, nên việc dạy ngoại ngữ nào hiện nay mới dùng ở mức do trường, lớp quy định và học sinh chỉ được chọn trong số những ngoại ngữ mà nhà trường, lớp có tổ chức dạy học

- Hiện nay mới có quy định dạy học ngoại ngữ từ lớp 3 đến lớp 12, chưa có quy định trong việc tổ chức dạy ngoại ngữ tại bậc mầm non và lớp 1, lớp 2 ở tiểu học trong khi nhu cầu học ngoại ngữ cho đối tượng này ngày càng nhiều và có nhiều cơ sở giáo dục có nguyện vọng được tổ chức dạy học ngoại ngữ cho học sinh từ các lớp học.

### **III. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ THỜI GIAN TỚI**

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân thời gian tới, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào một số giải pháp sau:

1. Đánh giá, đúc kết các bài học kinh nghiệm trong triển khai dạy và học ngoại ngữ thời gian qua để từ đó xây dựng, triển khai hiệu quả chiến lược dạy và học ngoại ngữ theo hướng kiến tạo và hội nhập trên cơ sở tăng cường hợp tác với các quốc gia và các tổ chức quốc tế có nhiều kinh nghiệm trong việc dạy và học ngoại ngữ.

2. Tập trung đầu tư cho nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên, nâng cao chất lượng nguồn học liệu và phương tiện dạy học, nâng cao chất lượng công tác khảo thí nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngoại ngữ cho mọi đối tượng người học. Thúc đẩy giáo viên tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên, liên tục, ngay tại chỗ trên cơ sở nguồn học liệu trực tuyến và sự hỗ trợ giữa các đồng nghiệp. Bên cạnh đó, tăng cường trao đổi chuyên gia, giảng viên, giáo viên và tình nguyện viên với các nước bản ngữ để tạo môi trường giao tiếp, nâng cao năng lực ngoại ngữ của đối tác Việt Nam.

3. Tăng cường sử dụng các giải pháp công nghệ, các phương tiện phát thanh, truyền hình, để hỗ trợ tất cả các đối tượng người học có thể tiếp cận bình đẳng với ngoại ngữ, có thể học mọi nơi, mọi lúc và đạt được năng lực sử dụng ngoại ngữ.

4. Xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ của Việt Nam theo hướng hội nhập với chuẩn quốc tế, dựa vào nguồn lực chuyên môn trong nước và phối hợp với các chuyên gia, tổ chức tư vấn quốc tế, xây dựng trung tâm đánh giá ngoại ngữ độc lập cấp quốc gia để đảm bảo sự minh bạch, chính xác và thống nhất trong hoạt động khảo thí ngoại ngữ trên cả nước.

5. Tạo động lực cho học sinh phổ thông học ngoại ngữ thông qua việc khuyến khích các trường đại học, cao đẳng xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, trong đó có một số môn học được dạy học hoàn toàn bằng tiếng Anh; tiến tới coi môn tiếng Anh là điều kiện đầu vào của các trường đại học, cao đẳng.

6. Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ hoạt động dạy và học ngoại ngữ như tổ chức các hoạt động tập thể để tạo môi trường sử dụng ngoại ngữ ngoài lớp học cho học sinh, tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh ở các trường/cụm trường học, tổ chức trại hè tiếng Anh...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ, khuyến khích các cơ sở giáo dục mở rộng, đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế với các tổ chức ở các quốc gia có bản ngữ hoặc ngôn ngữ quốc gia phù hợp với việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam; thực hiện các chương trình hợp tác, trao đổi giáo viên với nước ngoài nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên người nước ngoài tham gia giảng dạy ngoại ngữ trong các trường học của Việt Nam.

Trân trọng báo cáo././ *ky*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Tổng Thư ký Quốc hội (để b/c);
- Hội đồng Dân tộc của QH;
- UBVHGDTNTNNĐ của QH;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (50b);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TTK HGD, TGD công TTĐT, các Vụ: V.III, PL, KTTH, TH, TKBT, TCCV;
- Lưu: VT, KGVX(3b). *90*

**TM. CHÍNH PHỦ  
TUQ. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**



*Phùng Xuân Nhạ*  
**Phùng Xuân Nhạ**



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XI VỀ ĐỔI MỚI CÁN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 448/BC-CP ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian ban hành theo kế hoạch
1	Đề án truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề.	Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 21/01/2016	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan	2015
2	Đề án hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.	Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	2014
3	Rà soát, hoàn thiện mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non, phổ thông và dạy nghề giai đoạn 2014 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.	Chưa ban hành	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan	2015
4	Đề án triển khai phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở giáo dục phổ thông.	Chưa ban hành	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	2015
5	Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.	Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	2015
6	Đề án đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo và dạy nghề.	Quyết định số 3538/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	2016
7	Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2015 - 2020.	Chưa ban hành	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	2015

8	Đề án đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo.	Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành liên quan	2015
9	Đề án đổi mới cơ chế đầu tư cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề.	Quốc hội đã thông qua Luật đầu tư công vì vậy Đề án này được thay bằng Thông tư hướng dẫn của Bộ KHDĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2015
10	Đề án huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề giai đoạn 2015 - 2020.	Chưa ban hành	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan	2015
11	Đề án đổi mới chính sách hỗ trợ, chính sách tài chính cho các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề ngoài công lập.	Chưa ban hành	Bộ Tài chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan	2015
12	Đề án đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tiền lương gắn với kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục, đào tạo và dạy nghề.	Chưa ban hành	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan	2016
13	Đề án đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức dựa trên đánh giá thực chất năng lực của người dự tuyển.	Chưa ban hành	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành liên quan	2016
14	Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.	Đã trình Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay Bộ đang hoàn thiện để phê duyệt với Luật đầu tư công	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	2016

15	Đề án kiến cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2016 - 2020.	Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 11/9/2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	2016
16	Đề án bảo đảm cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ và đổi mới hoạt động nghiên cứu chuyên giao khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.	Quyết định số 888/QĐ-BKHCN ngày 05/5/2015	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2016
17	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và dạy nghề.	Chưa ban hành	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ	2015
18	Đề án phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số.	Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016	Ủy ban Dân tộc	Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan	2014